

CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN AN LUẬT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN AN LUẬT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108081572

3. Ngày thành lập: 04/12/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982346339

Fax:

Email: luatthienan.vn@gmail.com

Website: luatthienan.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn gạo	4631
2.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
3.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chỉ gồm có: Đại lý;	4610
5.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chỉ gồm có: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Hoạt động của đường sắt leo núi, đường cáp trên không nếu một phần của hệ thống này đi qua nội, ngoại thành.	4932
6.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
7.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
10.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
11.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
12.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Chi tiết: - Hoạt động liên quan đến kế toán và tư vấn thuế; - Dịch vụ làm thủ tục thuế	6920
13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chỉ gồm có: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
14.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

15.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
16.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
17.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Pháp nhân chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định pháp luật).	7810
18.	Giáo dục nghề nghiệp Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Dạy nghề;	8532
19.	Giáo dục mầm non	8510
20.	Giáo dục tiểu học	8520
21.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
22.	Xây dựng công trình công ích	4220
23.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chỉ gồm có: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hoá chất; Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, Đập và đê; Xây dựng đường hầm ; Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời; Chia tách đất với cải tạo đất (Đắp đường, các cơ sở hạ tầng công).	4290
24.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
25.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
26.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính; - Dạy đọc nhanh;	8559
27.	Sao chép bản ghi các loại	1820
28.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020(Chính)
29.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
30.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
31.	Xuất bản phần mềm	5820
32.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
33.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
34.	Bốc xếp hàng hóa	5224
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
36.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
37.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

38.	Cổng thông tin	6312
39.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có: Dịch vụ tư vấn đầu tư;	6619
40.	Quảng cáo	7310
41.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
42.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
43.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
44.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
45.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
46.	Cho thuê xe có động cơ	7710
47.	Phá dỡ	4311
48.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
50.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
51.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
52.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209
53.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
54.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
55.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);	7730
56.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
57.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
58.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
59.	In ấn	1811
60.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Cho thuê tất cả các loại đồ dùng (cá nhân và gia đình), cho hộ gia đình sử dụng hoặc kinh doanh (trừ thiết bị thể thao và giải trí): - Đồ dệt, trang phục và giày dép; - Đồ đạc, gồm sủ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng; - Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo...; - Sách, tạp chí; - Máy móc và thiết bị sử dụng bởi những người nghiệp dư hoặc có sở thích riêng như các dụng cụ cho sửa chữa nhà; - Hoa và cây; - Thiết bị điện cho gia đình	7729

61.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
62.	Lập trình máy vi tính	6201
63.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
64.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
65.	Xây dựng nhà các loại	4100
66.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
67.	Bán buôn thực phẩm	4632
68.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
69.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
70.	Dịch vụ đóng gói	8292

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ XUÂN	Thôn Tiên, Xã Viên Nội, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	20.000	200.000.000	10,000	017235047	
			Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	10,000		
2	NGUYỄN THANH PHÚC	Thôn An Ký Trung, Xã Quỳnh Minh, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	140.000	1.400.000.000	70,000	034087000233	
			Tổng số	140.000	1.400.000.000	70,000		

3	NGUYỄN BÍCH DIỆP	Số 15 ngõ 15 ngách 15/35, Phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	040452194	
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ XUÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/03/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017235047

Ngày cấp: 22/10/2010 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tiền, Xã Viên Nội, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 2 ngõ 1 Ngõ Thì Nhậm, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội